

BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2024
(Giai đoạn từ ngày 01/6/2024 đến ngày 31/8/2024)

Thực hiện Công văn 877/SNV-CCHC ngày 01/3/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch công tác và chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn Thành phố, Sở Tư pháp báo cáo công tác CCHC Quý III năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về tổ chức, chỉ đạo điều hành CCHC

Trong Quý III năm 2024, Sở Tư pháp tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác CCHC nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện công tác CCHC trên địa bàn Thành phố năm 2024, Kế hoạch thực hiện công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (KSTTHC) năm 2024 tại Sở Tư pháp và các chương trình, kế hoạch, văn bản liên quan đến công tác CCHC của Thành phố và của Sở Tư pháp, cụ thể như: ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC năm 2024¹; triển khai Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực Lý lịch tư pháp²; triển khai Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch³; triển khai Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp⁴; Kế hoạch Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm

¹ Kế hoạch số 5127/KH-STP-VP ngày 12/8/2024

² Công văn số 4369/STP-VP ngày 11/7/2024

³ Công văn số 4313/STP-VP ngày 09/7/2024

⁴ Công văn số 3724/STP-VP ngày 18/6/2024

2024 tại Sở Tư pháp⁵; Kế hoạch cải thiện, khắc phục và nâng cao năng lực cạnh tranh tại Sở Tư pháp⁶.

2. Công tác kiểm tra, khảo sát CCHC

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, KSTTHC năm 2024 tại Sở⁷. Từ ngày 05/9/2024, Sở tiến hành kiểm tra thực tế 10 đơn vị, kiểm tra thông qua công tác báo cáo 10 đơn vị liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, KSTTHC; kiểm tra đột xuất tối thiểu 05 đơn vị thuộc Sở về công vụ, văn hóa công sở, việc thực hiện quy tắc ứng xử, thái độ, tác phong của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ và tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

- Ban hành Công văn số 17/HĐPH ngày 25/6/2024 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố về việc cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn Thành phố năm 2024, trong đó hướng dẫn các Thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố; các quận, huyện, thành phố Thủ Đức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn Thành phố bằng nhiều hình thức phù hợp với mọi thành phần trong xã hội, trọng tâm là công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính năm 2024 của Thành phố nói chung và tuyên truyền, phổ biến về nội dung, kết quả Chỉ số PAPI của Thành phố từ Thành phố đến cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Ban hành Kế hoạch biên soạn và đăng tải tài liệu tuyên truyền pháp luật trên Trang/Cổng Thông tin điện tử 06 tháng cuối năm 2024⁸.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính của Thành phố và Sở Tư pháp trên Cổng thông tin tuyên truyền pháp luật Thành phố và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, trong quý III/2024, Sở đã đăng tải các Bản tin điện tử Cải cách hành chính định kỳ hàng tuần của Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ; 85

⁵ Kế hoạch số 3726/KH-STP-VP ngày 18/6/2024

⁶ Kế hoạch số 3801KH-STP-VP ngày 20/6/2024

⁷ Kế hoạch số 5127/KH-STP-VP ngày 12/8/2024.

⁸ Kế hoạch số 5288/KH-STP-PBGDPL ngày 19/8/2024

bản tin hoạt động tuyên truyền pháp luật; 22 tin về các quy định pháp luật mới được ban hành và 82 tài liệu tờ gấp, hỏi đáp pháp luật.

4. Những mô hình, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC đang áp dụng

- Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng và cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn Thành phố. Sau thời gian thí điểm thực hiện, ngày 14/5/2024, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 2628/UBND-PCNC chấp thuận chủ trương cho phép triển khai việc kết nối cơ sở dữ liệu công chứng và cơ sở dữ liệu địa chính trên phạm vi toàn Thành phố. Về lộ trình thực hiện, cho phép 07 Phòng Công chứng trực thuộc Sở Tư pháp và 10 Văn phòng công chứng kết nối cơ sở dữ liệu địa chính trong quý II, III năm 2024. Sau khi có báo cáo đánh giá, xem xét cụ thể, kỹ lưỡng thì cho phép toàn bộ Văn phòng công chứng truy cập vào quý IV năm 2024. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa 02 cơ sở dữ liệu có ý nghĩa rất quan trọng trong tăng cường quản lý Nhà nước; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản; phòng, chống giả mạo giấy tờ, chủ thể trong hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, việc liên thông 02 cơ sở dữ liệu là cơ sở để thực hiện liên thông các thủ tục công chứng - đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất - thuế và xây dựng chính phủ điện tử, đô thị thông minh.

- Sở Tư pháp tiếp tục phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện tốt liên thông nhóm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Thành phố theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND Thành phố, qua đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện nhóm thủ tục này, đồng thời việc liên thông cũng đã rút ngắn thời gian thực hiện và cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

5. Xác định, nâng cao chỉ số CCHC

Sở Tư pháp tiếp tục quán triệt thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC theo Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC (PAR Index), nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước của Sở Tư pháp; tiếp tục chỉ đạo các Trưởng phòng Chuyên môn, Thủ trưởng Đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách chủ động tham mưu Ban Giám đốc Sở triển khai, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR-Index theo lĩnh vực phụ trách; đặc biệt lưu ý có các giải

pháp khắc phục đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần bị trừ điểm trong năm 2024; chủ động báo cáo các vướng mắc, khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần PAR-Index của Thành phố và của Sở Tư pháp.

6. Công tác phối hợp trong triển khai CCHC

Trong Quý III năm 2024, Sở Tư pháp phối hợp tốt với Sở Nội vụ trong góp ý về việc sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính sở, ban, ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức⁹; góp ý dự thảo Báo cáo 05 năm thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025¹⁰; góp ý dự thảo Đề án tổ chức, sắp xếp Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06¹¹; góp ý sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính và dự báo kết quả Chỉ số cải cách hành chính của Thành phố năm 2024¹²; ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

Trong Quý III năm 2024, Sở Tư pháp đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các nhiệm vụ liên quan đến công tác CCHC theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, đảm bảo triển khai đúng tiến độ và chất lượng các lĩnh vực công tác CCHC. Cụ thể như sau:

1. Cải cách thể chế

1.1. Cải cách thể chế của Thành phố

a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục triển khai các quy định liên quan đến các sở, ngành trên địa bàn Thành phố để nghiên cứu, thực hiện khi tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Thành lập Đoàn kiểm tra công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện¹³.

- Kịp thời có các văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tư pháp cũng như hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị về

⁹ Công văn số 5575/STP-VP ngày 29/8/2024; Công văn số 4784/STP-VP ngày 26/7/2024

¹⁰ Công văn số 5491/STP-VP ngày 27/8/2024

¹¹ Công văn số 5444/STP-VP ngày 23/8/2024

¹² Công văn số 5245/STP-VP ngày 12/8/2024

¹³ Quyết định số 307/QĐ-STP ngày 13/5/2024

các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: Sở có kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/dự thảo văn bản quy phạm pháp luật¹⁴; thực hiện Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn¹⁵; triển khai thực hiện Nghị định số 59/2024/NĐ-CP đến các Sở ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức¹⁶; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để có chỉ đạo trong triển khai thực hiện Nghị định số 59/2024/NĐ-CP trên địa bàn Thành phố,...

- Có Công văn số 1801/STP-VB ngày 02/4/2024 và Công văn số 2156/STP-VB ngày 16/4/2024 triển khai Công văn số 1492/BTP-VĐCXDPL của Bộ Tư pháp về việc giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ sáu và Kỳ họp bất thường lần thứ năm. Bên cạnh đó, Sở đã kịp thời phối hợp góp ý, thẩm định các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng để đảm bảo tiến độ, hiệu lực của Luật.

- Thực hiện rà soát tiến độ tham mưu thực hiện các văn bản theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số

¹⁴ Công văn số 3915/STP-VB ngày 24/6/2024

¹⁵ Công văn số 3915/STP-VB ngày 24/6/2024

¹⁶ Công văn số 3914/STP-VB ngày 24/6/2024, Công văn số 4495/STP-VB ngày 17/7/2024

924/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 và Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố); Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 3899/UBND-NCPC ngày 10/7/2024 chỉ đạo các Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật khẩn trương tiếp tục triển khai, thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ.

- Qua thống kê, trong kỳ báo cáo, có 32 văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành. Đa số các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành có nội dung phù hợp các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn quản lý của Thành phố, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành, công tác quản lý nhà nước, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn Thành phố.

b) Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Sở đã ban hành Công văn đôn đốc xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố theo kết quả kỳ Hệ thống hóa văn bản 2019 - 2023 và rà soát văn bản theo chuyên đề gửi các Sở, ban, ngành Thành phố¹⁷.

- Thực hiện tự kiểm tra văn bản đối với 27/27 Quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố gửi đến (đạt tỷ lệ 100%); qua thực hiện công tác tự kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; đã thực hiện kiểm tra đối với 46/46 Quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến (đạt tỷ lệ 100%); qua thực hiện công tác tự kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

- Hoàn thành 02 chuyên đề rà soát¹⁸ với 370 văn bản, qua đó kiến nghị xử lý đối với 41 văn bản do Trung ương và Thành phố ban hành.

c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 31/7/2024 về việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

¹⁷ Công văn số 5275/STP-KTrVB ngày 16/8/2024

¹⁸ Rà soát VBQPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô theo Công văn số 3548/BTP-KTrVB ngày 26/6/2024 của Bộ Tư pháp (Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 16/8/2024); Rà soát VBQPPL do Trung ương và Thành phố ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 4614/BC-STP-KTrVB ngày 19/7/2024)

và tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Triển khai đôn đốc tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024¹⁹.

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn Thành phố²⁰.

1.2. Cải cách thể chế tại Sở Tư pháp

a) Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

- Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã thẩm định 26 lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm thẩm định các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật) do các Sở, ngành soạn thảo, đảm bảo tính chặt chẽ, đúng pháp luật đối với từng nội dung cụ thể của dự thảo trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

- Tiếp tục triển khai Công văn số 1530/BTP-VĐCXDPL ngày 27/3/2024 của Bộ Tư pháp và Công văn số 1878/UBND-NCPC ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số, thứ hạng Chỉ số cải thiện các quy định pháp luật của Việt Nam năm 2024.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Học viện Cán bộ Thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố và các cơ quan liên quan nghiên cứu “Đề án cơ sở lý luận, pháp lý, thực tiễn trong xác định thẩm quyền giải quyết của tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố (thẩm quyền chung), và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (thẩm quyền riêng)”; tiếp tục theo dõi, phối hợp hoàn thiện Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo sự phân công.

- Cử nhân sự tham gia Tổ Biên tập xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa²¹.

- Phối hợp với các Trung tâm Trọng tài thương mại thuộc phạm vi quản lý triển khai một số nhiệm vụ liên quan công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp²².

¹⁹ Công văn số 5597/KH-STP-THPL ngày 30/8/2024

²⁰ Công văn số 5619/KH-STP-THPL ngày 30/8/2024

²¹ Công văn số 2894/STP-VB ngày 16/5/2024

²² Công văn số 4637/STP-VB ngày 22/7/2024

- Tham mưu thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố; đẩy mạnh xã hội hóa một phần các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Thành phố; tư vấn, trả lời các câu hỏi trên Hệ thống "Đối thoại doanh nghiệp - Chính quyền địa phương" thuộc lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước của Sở. Trong kỳ, Sở không có nội dung được phân công câu hỏi, trả lời theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Có Công văn triển khai việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành gửi Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức²³.

c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Đôn đốc các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024²⁴.

- Triển khai văn bản cử nhân sự tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2024²⁵.

2. Cải cách TTHC, kiểm soát TTHC

- Công tác kiểm soát TTHC, công bố, công khai TTHC: đảm bảo thực hiện kịp thời việc niêm yết, công khai đầy đủ 120/120 TTHC, Danh mục TTHC đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố tại Bộ tiếp nhận và trả kết quả Sở, cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở phù hợp với các quy định pháp luật về công khai, niêm yết TTHC.

- Về rà soát, đơn giản hóa TTHC: thường xuyên rà soát, đánh giá đối với các TTHC/nhóm TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý để đề xuất phương án đơn giản hóa; ban hành Kế hoạch về rà soát TTHC năm 2024²⁶. Đến nay, Sở đã thực hiện rà soát các TTHC đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đối với 26 TTHC lĩnh vực nuôi con nuôi, hỗ trợ tư pháp²⁷; rà soát, đơn giản hóa một số bộ phận cấu thành

²³ Công văn số 2132/STP-KTrVB ngày 15/4/2024

²⁴ Công văn số 5597/STP-THPL ngày 30/8/2024

²⁵ Công văn số 5618/STP-THPL ngày 30/8/2024

²⁶ Kế hoạch số 2064/KH-STP-VP ngày 11/4/2024

²⁷ Công văn số 3284/STP-VP ngày 30/5/2024.

thủ tục trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở đảm bảo tiến độ theo quy định²⁸.

- Có Công văn gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm soát chất lượng đối với các quy trình nội bộ lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở; rà soát, trình công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở; rà soát thống kê danh mục TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết; rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đối với Danh mục TTHC đã được phê duyệt dịch vụ công trực tuyến²⁹.

- Kết quả tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị: trong kỳ báo cáo, Sở tiếp nhận 106 phản ánh, kiến nghị của cá nhân. Trong đó: số tiếp nhận mới trong kỳ: 106; số từ kỳ trước chuyển qua: không có; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: không có; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 106; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 106/106 (đạt 100%); trong đó số đã được đăng tải công khai: 106/106 (đạt 100%).

- Thực hiện nghiêm túc “Thư xin lỗi” trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hẹn theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Kết quả giải quyết TTHC trong Quý III năm 2024:

Lĩnh vực	Hồ sơ nhận giải quyết		Đã giải quyết		Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận	Số từ kỳ trước chuyển qua	Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn
I. Tại cơ quan Sở Tư pháp						
Lĩnh vực Hộ tịch - Quốc tịch	723	36	715	0	44	0
Lĩnh vực Bộ trợ tư pháp	1127	0	1127	0	0	0
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	39.214	7.651	37.298	29	9.538	0
Cộng	41.064	7.687	39.140 (tỷ lệ	29 (tỷ lệ	9.582 (tỷ lệ	0 (tỷ lệ 0%)

²⁸ Công văn số 4132/STP-VP ngày 03/7/2024

²⁹ Công văn số 5371/STP-VP ngày 21/8/2024, Công văn số 4132/STP-VP ngày 03/7/2024, Công văn số 4367/STP-VP ngày 11/7/2024, Công văn số 5082/STP-VP ngày 08/8/2024, Công văn số 5128/STP-VP ngày 12/8/2024

Lĩnh vực	Hồ sơ nhận giải quyết		Đã giải quyết		Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận	Số từ kỳ trước chuyển qua	Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn
			100%)	0%)	100%)	
	48.751		39.169 (tỷ lệ 75%)		9.582 (tỷ lệ 25%)	
II. Tại các đơn vị trực thuộc Sở						
Lĩnh vực Chứng thực	187.216	0	187.216	0	0	0
Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	291	13	301	0	03	0
Cộng	187.507	13	187.517 (tỷ lệ 100 %)	0 (tỷ lệ 0%)	03 (tỷ lệ 100%)	0 (tỷ lệ 0%)
	187.520		187.517 (tỷ lệ 99,993%)		03 (tỷ lệ 0,007%)	
Tổng cộng (I+II)	228.571	7.700	226.657 (tỷ lệ 100%)	29 (tỷ lệ 0%)	9.585 (tỷ lệ 100%)	0 (tỷ lệ 0%)
	236.271		226.686 (tỷ lệ 97%)		9585 (tỷ lệ 3%)	

- Số lượng hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình tại Cơ quan Sở Tư pháp là 3.637 hồ sơ trong tổng số 39.865 hồ sơ tiếp nhận đối với các TTHC có triển khai trực tuyến toàn trình, tỷ lệ là 9%.

- Số lượng hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 7.473 hồ sơ, với tổng cộng 7.473 lượt (trong đó: tiếp nhận 0 lượt hồ sơ, trả kết quả 7.473 lượt hồ sơ).

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận sáng thứ Bảy hàng tuần là 2.446 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp gồm 10 Phòng chuyên môn và 10 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có 07 đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư (07 Phòng Công chứng); 02 đơn vị được giao quyền tự chủ tự đảm bảo chi thường xuyên (Trung tâm thông tin và tư vấn công chứng Thành phố và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố); 01 đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố). Các Phòng chuyên môn và Đơn vị trực thuộc Sở đều có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc đảm bảo thực hiện quy định về vị trí, chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc Thành phố theo quy định mới nhất của Chính phủ.

- Về xây dựng đề án vị trí việc làm:

+ Triển khai Đề án vị trí việc làm của Sở Tư pháp đã được Sở Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 186/QĐ-SNV ngày 24/5/2024 đến các Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc để thực hiện³⁰.

+ Ban hành Quyết định Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh³¹.

- Ban hành Quyết định về việc ủy quyền công tác quản lý lĩnh vực tài chính tại Sở Tư pháp³².

- Triển khai Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập³³.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động: trong quý III năm 2024, Sở đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với Trưởng phòng Phòng Công chứng số 4 thuộc Sở³⁴; điều động đối với 01 trường hợp³⁵; có ý kiến nhận xét, đánh giá đối với 03 công chức phục vụ công tác quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị³⁶.

- Về công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác: thực hiện quy trình chuyển công tác đối với 01 trường hợp³⁷.

³⁰ Công văn số 3036/STP-TC ngày 23/5/2024

³¹ Quyết định số 457/QĐ-STP-TC ngày 28/6/2024

³² Quyết định số 436/QĐ-STP ngày 21/6/2024

³³ Công văn số 5153/STP-TC ngày 13/8/2024

³⁴ Công văn số 4476/STP-TC ngày 15/7/2024.

³⁵ Quyết định số 495/QĐ-STP-TC ngày 18/7/2024

³⁶ Công văn số 5049/STP-TC ngày 06/8/2024; Công văn số 99-CV/ĐU ngày 15/7/2024

³⁷ Quyết định số 515/QĐ-STP-TC ngày 26/7/2024

- Về đánh giá, phân loại hiệu quả công việc hàng quý của công chức, viên chức người lao động: thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo phản ánh thực chất hiệu quả công việc. Trong quý III/2024, Sở đã thực hiện việc đánh giá, phân loại hiệu quả công việc của công chức, người lao động Cơ quan Sở, người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; thực hiện đánh giá, phân loại theo hiệu quả công việc Quý II năm 2024 đối với Giám đốc Sở³⁸.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: tiếp tục thực hiện các công tác liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng. Sở đã triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến các cơ quan, đơn vị thuộc Sở và cử 28 lượt công chức, viên chức tham gia các khóa “đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông” Thành phố năm 2024. Ngoài ra, trong kỳ đã triển khai kiểm tra, rà soát, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức có kê khai sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ mang tên “Cambridge International”³⁹ trong giai đoạn từ ngày 25/9/2022 đến ngày 18/6/2023 để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ.

- Về chế độ chính sách: đảm bảo thực hiện các quy định liên quan giải quyết chế độ chính sách cho công chức, viên chức, người lao động đầy đủ, đúng thời hạn và quy định pháp luật. Trong quý III năm 2024, Sở đã thực hiện việc chuyển xếp lương từ chức danh nghề nghiệp Chuyên viên sang Trợ giúp viên pháp lý hạng III đối với 01 trường hợp là viên chức⁴⁰; nâng bậc lương thường xuyên Quý II/2024 đối với 14 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên nghề thanh tra đối với 02 trường hợp⁴¹; xác nhận kết quả đánh giá, xếp loại viên chức của 02 trường hợp để hoàn thiện hồ sơ thi đua khen thưởng⁴².

5. Cải cách tài chính công

- Sở đã tổ chức kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024⁴³.

- Có Công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030⁴⁴.

- Ban hành Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Sở; công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở⁴⁵.

³⁸ Công văn số 4497/STP-TC ngày 17/7/2024; Công văn số 4381/TB-STP-TC ngày 11/7/2024;

³⁹ khác với Đại học Cambridge là tổ chức có uy tín trên thế giới.

⁴⁰ Quyết định 496/QĐ-STP-TC ngày 18/7/2024

⁴¹ Quyết định số 485, 486/QĐ-STP-TC ngày 12/7/2024

⁴² Công văn số 3766/STP-TC ngày 19/6/2024

⁴³ Kế hoạch số 5244/KH-STP-VP ngày 15/8/2024

⁴⁴ Công văn số 5243/STP-VP ngày 15/8/2024

6. Hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính

- Tiếp tục sử dụng Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đối với toàn bộ văn bản nhận đến và ban hành (trừ văn bản bí mật Nhà nước), đáp ứng yêu cầu kết nối, quản lý, khai thác, sử dụng và xử lý văn bản.

- Duy trì thực hiện việc thông báo lịch họp, lịch công tác của Sở cho Ban Giám đốc Sở, Lãnh đạo các Phòng chuyên môn, Đơn vị trực thuộc Sở qua hệ thống tin nhắn của điện thoại di động và hộp thư điện tử Thành phố.

- Công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và số điện thoại liên hệ của cơ quan, đơn vị trên Trang thông tin điện tử của Sở và một số đơn vị trực thuộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp liên hệ, trao đổi cũng như tra cứu, thực hiện TTHC.

- Duy trì thông báo kết quả giải quyết hồ sơ lý lịch tư pháp qua tin nhắn; cung ứng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục cấp bản sao hộ tịch.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc công tác khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân với 06 máy tính bảng đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở, đồng thời tiếp tục đăng tải liên kết với Hệ thống đánh giá sự hài lòng của tổ chức và người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của Thành phố và Mục “Ý kiến người dân” trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Các Phòng Công chứng trực thuộc Sở triển khai nghiêm túc công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong niêm yết công khai TTHC thông qua ki ốt điện tử hoặc máy tính đặt tại trụ sở.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

- Lập dự toán kinh phí xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2025⁴⁶.

- Đang xây dựng tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 được hiệu chỉnh, cải tiến năm 2024 của Sở.

⁴⁵ Quyết định số 458/QĐ-STP-VP ngày 28/6/2024; Quyết định số 459/QĐ-STP-VP ngày 28/6/2024

⁴⁶ Công văn số 4226/STP-VP ngày 05/7/2024.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác chỉ đạo điều hành tại Sở được quan tâm, chú trọng, đảm bảo việc xây dựng, ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch trọng tâm, triển khai các chỉ đạo của Thành phố.

- Chủ động thực hiện nhiều giải pháp trong công tác cải cách TTHC, giải quyết hồ sơ hành chính tại Sở, qua đó giúp người dân tiếp cận và thực hiện hồ sơ hành chính thuận lợi hơn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giải quyết hồ sơ hành chính, đảm bảo toàn bộ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố; triển khai đầy đủ các TTHC được phê duyệt cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đối với 100% thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Sở, qua đó giúp xử lý hồ sơ nhanh chóng, chính xác, tăng tính công khai, minh bạch, hạn chế tiêu cực có thể phát sinh.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố trong quý III hoạt động không ổn định, thường xuyên có lỗi; việc xử lý sự cố nhiều lúc rất chậm gây ảnh hưởng lớn đến việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho người dân.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Các Sở, ngành Thành phố khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý/trình Hội đồng nhân dân Thành phố xử lý các văn bản không còn phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị, bảo đảm thời gian thực hiện theo Danh mục văn bản tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về tham mưu xử lý văn bản quy phạm pháp luật qua các chuyên đề rà soát; chi tiết số lượng văn bản, tên văn bản cần xử lý và kết quả xử lý của từng Sở, ban, ngành đã được Sở Tư pháp tổng hợp, cập nhật tại Công văn số 5275/STP-KTrVB ngày 16/8/2024 về đơn đốc xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả kỳ Hệ thống hóa văn bản 2019 - 2023 và rà soát văn bản theo chuyên đề gửi các Sở, ban, ngành Thành phố.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố phối hợp với đơn vị thiết kế có giải pháp để đảm bảo vận hành ổn định Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai hiệu quả, đúng tiến độ các chỉ đạo, kế hoạch của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến công tác CCHC.
2. Đảm bảo duy trì hiệu quả và chất lượng công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo việc cập nhật hiệu lực văn bản kịp thời, chính xác và đầy đủ. Nghiên cứu tham mưu sửa đổi Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật các quy định mới tại Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
3. Tổng kết công tác CCHC năm 2024 tại Sở.
4. Thực hiện/phối hợp thực hiện công tác tự đánh giá, đánh giá chỉ số CCHC năm 2024 của Thành phố và Sở Tư pháp.
5. Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.
6. Thường xuyên rà soát và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố sửa đổi, bổ sung TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp kịp thời và phù hợp quy định pháp luật.
7. Tiếp tục triển khai quy trình điện tử thủ tục liên thông: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, bảo hiểm y tế; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí; đăng ký kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.
8. Tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các đơn vị có liên quan để vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố tại Sở.

9. Duy trì thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu công chứng và cơ sở dữ liệu địa chính theo đúng tiến độ của kế hoạch liên tịch số 5104/KHLT-STP-STTTT-STNMT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài nguyên và Môi trường.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh cấp Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tư pháp, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban chỉ đạo cải cách hành chính Thành phố.

(Đính kèm các số liệu chi tiết tại các Phụ lục báo cáo công tác Cải cách hành chính của Sở Tư pháp gồm Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B, Phụ lục 3B, Phụ lục 4B, Phụ lục 5B, Phụ lục 6B, Phụ lục 7B).

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- Lưu: VT, VP/Linh.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Hạnh



Phụ lục 1B
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI SỞ TƯ PHÁP**
(Kèm theo Báo cáo số 5176/BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	06	
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	83	
1.2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	100	
1.2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	83	
1.3.	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 5127/KH-STP-VP ngày 12/8/2024 kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				hành chính năm 2024 tại Sở Tư pháp. Trong tháng 9, Sở Tư pháp sẽ tiến hành kiểm tra.
1.3.1.	Số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao (bao gồm các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được Thành phố chỉ đạo chủ trì tham mưu thực hiện)			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	384	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	238	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	104	
1.4.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	15	Chưa hoàn thành còn trong hạn: 27

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.3	Kết quả khảo sát	Số lượt	6.670	
1.5.3.1	Hài lòng	%	95	
1.5.3.2	Không hài lòng	%	5	
1.6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Định kì 02 lần/tháng theo lịch tiếp công dân

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2A

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ CỦA THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 5776 /BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách thể chế			
1.1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố ban hành	Văn bản	64	
1.1.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu Thành phố ban hành	Văn bản	32	Số liệu căn cứ trên trang Công báo Thành phố
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành	Văn bản	09	
	Số Quyết định của UBND Thành phố ban hành	Văn bản	23	
1.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	32	Số liệu căn cứ trên Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Sở
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện, thành phố Thủ Đức ban hành	Văn bản	0	
	Số Quyết định của UBND cấp huyện ban hành	Văn bản	32	
1.1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	Số liệu căn cứ trên Phần mềm quản lý văn bản
Trong	Số Nghị quyết của HĐND xã, thị trấn ban hành	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Số Quyết định của UBND cấp xã ban hành	Văn bản	0	và hồ sơ công việc của Sở
1.2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
1.2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Thành phố	Văn bản	46	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
1.2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
1.2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
1.3.	Rà soát văn bản			
1.3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của Thành phố	Văn bản	47	
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	82,86	
1.3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	35	
1.3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	29	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 2B
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TẠI SỞ TƯ PHÁP**
(Kèm theo Báo cáo số 5776 /BC-STP-VP ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách thể chế			
1.1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị tham mưu ban hành	Văn bản	02	Số liệu căn cứ trên Trang Công báo Thành phố
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành	Văn bản	00	
	Số Quyết định của UBND Thành phố ban hành	Văn bản	02	
1.2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
1.2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra	Văn bản	02	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
1.2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	00	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	00	
1.3.	Rà soát văn bản			
1.3.1.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	02	
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
1.3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	02	
1.3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 3B

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 5776/BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách thủ tục hành chính			
1.1.	Thống kê TTHC			
1.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	06	
1.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	00	
1.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	00	
1.1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	120	
1.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	03	
1.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	13	
1.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	90	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
1.2.5.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	01	
1.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
1.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.98	
1.3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	226.686	
1.3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	226.657	
1.3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các Ban Quản lý (nếu có)	%	//	
1.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn tại Sở Xây dựng và các Ban Quản lý (nếu có)	%	//	
1.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
1.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	106	
1.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	106	

Phụ lục 4B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 5776 /BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.1.2.	Số phòng, ban chuyên môn thuộc đơn vị	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập			
Trong đó	Số ĐVSNCL trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	10	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0%	
1.2.	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	96	
1.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	87	
1.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	24	
1.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
1.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
1.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
1.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	29	
1.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24	
1.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
1.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
1.4	Tổng số người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	Người	8	Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022
1.4.1	Số người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2	Số người làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	Người	0	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH

Phụ lục 5B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 5776/BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách chế độ công vụ			
1.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
1.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển)	Người	0	
1.2.2.	Số công chức được tuyển dụng (xét tuyển)	Người	0	
1.2.3.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
1.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
1.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
1.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
1.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
1.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
1.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)			
1.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
1.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
1.4.3.	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật	Người	0	
1.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
1.5.	Việc thực hiện chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt			
1.5.1.	Số chuyên gia được tuyển dụng	Người	0	
1.5.2.	Số chuyên gia thôi việc	Người	0	
1.5.3.	Số nhà khoa học được tuyển dụng	Người	0	
1.5.4.	Số nhà khoa học thôi việc	Người	0	
1.5.5.	Số người có tài năng đặc biệt được tuyển dụng	Người	0	
1.5.6.	Số người có tài năng đặc biệt thôi việc	Người	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục 6B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 576/BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách tài chính công			
1.1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	00	
1.1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	00	
1.1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	00	
1.2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
1.2.1.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	07	
1.2.2.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	02	
1.2.3.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	00	
1.2.3.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.2.3.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.2.3.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	00	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.4.	Số ĐVSNCL trực thuộc do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.5.	Số lượng ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	00	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 7B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH,
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 5776 /BC-STP-VP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
1.1.	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng tại Kiến trúc chính quyền điện tử.
1.2.	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Sở Tư pháp không có hệ thống thông tin báo cáo riêng tại cơ quan Sở, chỉ sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố (baocao-ict.tphcm.gov.vn, báo cáo cchc, v.v.)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.	Đã được cấp chứng thư số	Chưa = 0 Có = 1	1	
1.3.1	Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị được cấp chứng thư số	%	15% (03/20 đơn vị)	Cơ quan Sở, Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Tư vấn và Công chứng
1.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Sở Tư pháp đã thực hiện liên thông Phần mềm Quản lý hồ sơ và công việc, cơ sở dữ liệu về Hộ tịch, liên thông tình trạng hồ sơ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thông qua trực NGSP và LGSP.
1.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
1.5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	
	Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.2.	Tổng số văn bản đi phát hành	Văn bản	2.385	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	87	Trong đó có 2077/2077 văn bản (tỷ lệ 100%) được gửi qua trực Hệ thống liên thông
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10	
1.6.	Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của Thành phố	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Sử dụng Hệ thống một cửa điện tử Thành phố từ 01/11/2022.
1.7.	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
1.7.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
1.7.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	04	
1.7.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	04	
1.7.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	00	
1.7.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
1.7.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	05	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	05	
1.7.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	02	
1.7.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
1.7.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	9	
1.7.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	9	
1.7.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	9	
1.7.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận ¹ (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	39.937	
1.7.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	3.637	
1.7.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	14	
1.7.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	7	

¹ Số liệu không bao gồm kỳ trước chuyển qua

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	02	
1.8	Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 tại cơ quan, đơn vị	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	02	
Trong đó	Số phòng, ban chuyên môn thực hiện	Cơ quan, đơn vị	04	Đạt tỷ lệ 40 %
	Số đơn vị trực thuộc thực hiện	Cơ quan, đơn vị	00	Đạt tỷ lệ 0 %

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH